TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **TỈNH QUẢNG NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số : 18/2019/HSST
Ngày 11/4/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: ông Đặng Phùng Thành

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tiến Dũng.

2. Bà Đỗ Thị Liêu.

Thư ký ghi biên bản phiên toà: Bà Phan Thị Hải Linh – Thư ký Toà án nhân dân huyện T.

Đại diện Viện kiểm sát huyện T tham gia phiên toà bà Trần Thị Thắm – Chức vụ: Kiểm sát viên .

Ngày 11 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 18/2019/TLST-HS ngày 05 tháng 3 năm 2019. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số : 18/2019/QĐXXST-HS ngày 29/3/2019 đối với bị cáo sau đây:

Phan Công T (Tên gọi khác: Trần Anh T)

Sinh năm: 1991, tại: huyện T, tỉnh Quảng Nam.

Nơi cư trú: Tổ 14, thôn T, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 09/12;

Con ông: Phan Công M, sinh năm: 1952; Con bà: Võ Thị B, sinh năm: 1962;

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Năm 2013 bị Tòa án nhân dân huyện T xử phạt về tội "Cố ý gây thương tích" 15 tháng tù treo; Năm 2014 bị Công an huyện T xử phạt hành chính về hành vi "Cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe của người khác". Ngày 21/02/2019 bị Cơ quan CSĐT Công an huyện T khởi tố vụ án, khởi tố bị can về hành vi "Cố ý gây thương tích". Hiện bị cáo đang tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

Anh Phan Công A, sinh năm: 1995.

Trú tại: Tổ 14, thôn T, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam, có mặt;

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Lê Hoàng V, sinh năm: 1987

Trú tại: Thôn L, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Nam, vắng mặt.

2. Anh Phan Ngọc T1, sinh năm: 2000.

Trú tại: Tổ 14, thôn T, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam, vắng mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 14h30’ ngày 12/11/2018, anh Phan Công A rủ Phan Công T và một số thanh niên cùng thôn về nhà mình tổ chức ăn nhậu, hát karaoke và chơi vật tay. Sau khi hát karaoke xong, anh A lấy điện thoại di động hiệu Oppo F3 màu vàng đồng để ở sàn nhà góc phòng ăn ngay vị trí Thuận để điện thoại rồi tham gia chơi vật tay cùng mọi người. Trong lúc chơi, giữa T và anh Võ Đại Q xảy ra mâu thuẫn, lời qua tiếng lại nên anh A bảo T đi về nhà nhưng T không chịu về mà tiếp tục cãi nhau với anh A. Thấy anh A và T cải nhau nên mọi người can ngăn, anh A đi lên phòng khách, T đi lại lấy điện thoại của mình thì nhìn thấy chiếc điện thoại di động của anh A đang nằm bên cạnh nên T lấy 02 cái điện thoại bỏ vào túi quần rồi lấy xe mô tô BKS 92H1 – 536.47 (xe này của anh Phan Ngọc T1, SN 2000, em ruột của T) đi về nhà mình. Khi về đến nhà, T lấy chiếc điện thoại vừa chiếm đoạt được của anh A tắt nguồn rồi điều khiển xe mô tô BKS 92H1 – 536.47 đem điện thoại đến tiệm mua bán điện thoại di động HV tại xã H, huyện Q, tỉnh Quảng Nam bán cho anh Lê Hoàng V được 1.770.000 đồng, T chuộc lại điện thoại của mình đã cầm trước đó hết 1.300.000 đồng, còn lại 470.000 đồng T cất giấu trong người sau đó T đi về nhà.

Khi phát hiện mất điện thoại di động anh A liền đi tìm. Anh A có dùng điện thoại khác điện vào máy của mình nhưng không liên lạc được. Nghi ngờ T trộm cắp nên anh A lấy xe mô tô đi tìm thì gặp T đang đi từ xã H về. Anh A chặn T lại hỏi có lấy điện thoại của mình không thì T nói không có. Anh A lục trong người T thì thấy điện thoại hiệu Vivo của T và vài trăm ngàn đồng. Do trước đây được T dẫn đi cầm cố tại tiệm HV nên anh A đi đến tiệm điện thoại di động HV và nhìn thấy chiếc điện thoại Oppo F3 của mình T đã bán cho anh V. Anh A đi đến Cơ quan CSĐT Công an huyện T báo cáo lại sự việc. Trong quá trình điều tra Phan Công T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại bản cáo trạng số: 15/CT-VKS ngày 01/3/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam đã truy tố bị cáo Phan Công T về tội: “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

- Tại phiên Tòa bị cáo Phan Công T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã truy tố.

- Lời khai của bị hại anh Phan Công A: Khi phát hiện mất điện thoại, anh A nghi ngờ cho bị cáo T trộm của mình. Anh A đi tìm và gặp T, anh hỏi T có lấy không nhưng bị cáo T không thừa nhận. Nên anh đến tiệm điện thoại di động HV và nhìn thấy chiếc điện thoại Oppo F3 của mình mà T đã bán cho anh V. Anh A đi đến Cơ quan CSĐT Công an huyện T báo cáo lại sự việc. Hiện nay anh A đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì thêm.

- Lời khai của anh Lê Hoàng V: Anh V kinh doanh nghề mua bán, sửa chữa điện thoại. Hôm đó T có bán cho anh V 01 chiếc điện thoại OPPO F3 màu vàng giá 1.770.000 đồng và lấy lại chiếc điện thoại Vivo. Sau đó A có đến hỏi anh V có mua điện thoại của T không thì anh V nói có. A nói anh V giữ máy lại để báo Công an. Anh V điện thoại cho T nói mi lấy điện thoại của thằng bạn mi đi bán phải không. Một lát sau T ghé lại rồi đi, sau đó thì Công an đến làm việc. Khi hỏi mua máy điện thoại của T anh V có hỏi máy của ai thì T nói của bé em T. Việc T trộm cắp điện thoại của A anh V không hay biết. Hiện nay anh V đã nhận lại đủ tiền và không yêu cầu bồi thường.

- Lời khai của anh Phan Ngọc T1: Anh T1 là chủ sở hữu chiếc xe mô tô nhãn hiệu Sirius, loại xe Yamaha, màu sơn trắng đen, BKS 92H1 – 536.47. Hôm đó T mượn xe của anh T1 để đi làm bốc vác. Việc T dùng xe để đi trộm cắp anh T1 không biết. Anh T1 đã nhận lại chiếc xe và không có yêu cầu gì thêm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T trong phần luận tội đã phân tích tính chất, mức độ nguy hiểm do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, cùng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Trong quá trình điều tra, truy tố bị cáo Phan Công T đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại; Bị cáo phạm tội nhưng hậu quả gây ra không lớn. Bản thân bị cáo chưa có tiền án, tiền sự. Tình tiết tăng nặng: Không có. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điểm b, h, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015. Đại diện Viện kiểm sát đã đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bị cáo Phan Công T phạm tội: "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 điều 173 Bộ luật hình sự và xử phạt bị cáo: Phan Công T từ 06 đến 09 tháng tù.

* Về vật chứng: Cơ quan CSĐT Công an huyện T đã thu giữ những vật chứng gồm: 01 điện thoại di động Oppo F3 màu vàng đồng; 01 xe mô tô nhãn hiệu Sirius, loại xe Yamaha, màu sơn trắng đen, BKS 92H1 – 536.47. Quá trình điều tra, Cơ quan CSĐT Công an huyện T đã trả lại những vật chứng trên cho các chủ sở hữu hợp pháp.

* Về dân sự: Anh Phan Công A đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt, Phan Công T đã hoàn trả cho anh Lê Hoàng V số tiền 1.770.000 đồng. anh A và anh V không có yêu cầu gì thêm nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án đều hợp pháp.

[2] Các căn cứ xem xét, đánh giá về tội danh và khung hình phạt:

- Tại phiên tòa, bị cáo Phan Công T đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

- Căn cứ vào lời khai của bị hại, người liên quan và các chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án.

- Căn cứ vào bản kết luận định giá tài sản số 74/KL-HĐĐG ngày 04/12/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện T xác định giá trị chiếc điện thoại hiệu Oppo F3 mà Phan Công T chiếm đoạt của anh Phan Công A là 4.050.000 đồng.

Hội đồng xét xử xác định: Vào khoảng 14h30’ ngày 12/11/2018, tại nhà anh Phan Công A, tại: Tổ 14, thôn T, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam, bị cáo Phan Công T đã lén lút trộm cắp một chiếc điện thoại di động hiệu OPPO F3 màu vàng đồng của anh Phan Công A. Giá trị tài sản bị Thuận chiếm đoạt là 4.050.000 đồng, mang bán cho anh Lê Hoàng V số tiền 1.770.000 đồng thì bị phát hiện.

Như vậy, hành vi và hậu quả của bị cáo Phan Công T gây ra đã đủ yếu tố cấu thành tội: "Trộm cắp tài sản". Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự như cáo trạng đã truy tố là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo hộ. Bị cáo T là người có đầy đủ năng lực để nhận thức được việc làm của mình là vi phạm pháp luật. Bị cáo nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản của người khác bị pháp luật nghiêm cấm và sẽ bị trừng trị, nhưng do muốn dễ dàng có tiền để tiêu xài, phục vụ cho nhu cầu bản thân nên bị cáo đã cố ý thực hiện tội phạm. Bị cáo lợi dụng sự sở hở không chú ý của chủ tài sản, bị cáo lén lút trộm cắp tài sản của anh A. Hành vi của bị cáo thể hiện sự coi thường pháp luật của bị cáo và gây tâm lý hoang mang lo sợ trong quần chúng nhân dân, không an tâm với tài sản của mình, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Hành vi phạm tội của bị cáo cần phải xử phạt nghiêm minh bằng Luật hình sự với mức hình phạt tương xứng với nhân thân, tính chất, mức độ do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra.

- Xét nhân thân của bị cáo Phan Công T xuất thân là nhân dân lao động, hoàn cảnh gia đình khó khăn. Sau khi phạm tội bị cáo biết ăn năn hối cải và thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình. Bị cáo phạm tội nhưng thiệt hại gây ra không lớn, tài sản đã được thu hồi trả cho chủ sở hữu. Bị cáo đã hoàn trả số tiền đã chiếm đoạt. Hội đồng xét xử xác định bản thân bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, nhưng về nhân thân: Năm 2013 bị Tòa án nhân dân huyện T xử phạt về tội “Cố ý gây thương tích” 15 tháng tù treo; Năm 2014 bị Công an huyện Thăng Bình xử phạt hành chính về hành vi “Cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe của người khác”. Hiện nay vào ngày 21/02/2019 bị Cơ quan CSĐT Công an huyện T khởi tố vụ án, khởi tố bị can về hành vi “Cố ý gây thương tích”. Hội đồng xét xử thống nhất với quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát áp dụng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại các điểm b, h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự cho bị cáo.

Xét thấy hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, thống nhất với đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện T, cần thiết phải cách ly bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian để Cơ quan chức năng giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội sau này.

[4] Đối với anh Lê Hoàng V có giấy phép hành nghề kinh doanh mua bán, sửa chữa điện thoại. Việc anh V mua điện thoại của bị cáo T nhưng không biết bị cáo T trộm cắp mà có và anh V cũng không có hứa hẹn nên không đề cập trách nhiệm là thỏa đáng.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Anh Phan Công A đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt. Anh Lê Hoàng V đã nhận số tiền 1.770.000 đồng do bị cáo T hoàn trả. anh A và anh V không có yêu cầu gì thêm nên không xét.

[6] Về vật chứng: Cơ quan CSĐT Công an huyện T đã thu giữ những vật chứng gồm: 01 điện thoại di động Oppo F3 màu vàng đồng; 01 xe mô tô nhãn hiệu Sirius, loại xe Yamaha, màu sơn trắng đen, BKS 92H1 – 536.47. Chiếc xe của anh T1 cho bị cáo T mượn để đi làm, anh T1 không biết bị cáo T dùng xe để thực hiện việc trộm cắp. Quá trình điều tra, Cơ quan CSĐT Công an huyện T đã trả lại những vật chứng trên cho các chủ sở hữu hợp pháp là thỏa đáng.

[7] Về án phí hình sự sơ thẩm bị cáo phải chịu theo quy định tại Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí tòa án;

[8] Về biện pháp ngăn chặn: Áp dụng Điều 123; Điều 326; Điều 327 Bộ luật tố tụng hình sự; Tiếp tục áp dụng biện pháp ngăn chặn: "Cấm đi khỏi nơi cư trú" đối với bị cáo Phan Công T trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày tuyên án 11/4/2019.

[9] Bị cáo, bị hại, người liên quan được quyền kháng cáo theo quy định tại các Điều 331 và Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo: **Phan Công T** phạm tội: "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; Các điểm b, h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo: **Phan Công T 06** (Sáu) tháng tù. Thời gian thụ hình được tính từ ngày bắt đi thi hành án.

Áp dụng các Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí tòa án;

Bị cáo phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

* Về biện pháp ngăn chặn: Áp dụng Điều 123; Điều 326; Điều 327 Bộ luật tố tụng hình sự;

Tiếp tục áp dụng biện pháp ngăn chặn: "Cấm đi khỏi nơi cư trú" đối với bị cáo Phan Công Thuận trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày tuyên án 11/4/2019.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án. Người người liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ để xin Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các cơ quan tiến hành tố tụng;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, lưu bộ phận HS;.

(Đã ký)
Đặng Phùng Thành